

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp máy gây mê giúp thở theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp máy gây mê giúp thở
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 05 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4. Loại hợp đồng: Trọn gói
5. Địa điểm thực hiện: Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP HCM - Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: Trước 16 giờ, ngày 20.7.2022
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị, Lầu 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP HCM.

Người liên hệ: Nguyễn An Duy

Số điện thoại: 028.3952.5140

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (J17-092-nnlan) (02).



Phạm Văn Tấn

PHỤ LỤC I
DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ
(Kèm theo Công văn số 1412./BVĐHYD-VTTB ngày 13.../...2../2022)

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy gây mê giúp thở	Chi tiết trong Phụ lục II	Cái	01

PHỤ LỤC II
YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Kèm theo Công văn số 1412./BVĐHYD-VTTB ngày 12/.../2022)

I. YÊU CẦU CHUNG

- Thiết bị mới 100%. Sản xuất từ năm 2021 trở về sau.
- Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương.
- Điện áp 220-240 V, 50 Hz.
- Nhà thầu dự thầu có giấy uỷ quyền bán hàng thỏa theo Thông tư 14/2020/TT-BYT.
- Thuộc phân nhóm thiết bị tối thiểu: Nhóm 3.
- Môi trường hoạt động:
 - Nhiệt độ tối đa đến: ≥ 30 độ C
 - Độ ẩm tối đa đến: $\geq 75\%$.

II. YÊU CẦU CẤU HÌNH

Máy gây mê kèm thở và bộ phụ kiện tiêu chuẩn cho 01 thiết bị bao gồm:

1	Máy chính			01	Bộ
1.1	Máy chính với hệ thống trộn khí điện tử cho cả O2 và khí nén	01	Cái		
1.2	Màn hình cảm ứng	01	Cái		
1.3	Hệ thống hấp thụ CO2 với bình vôi soda	01	Bộ		
1.4	Bộ cung cấp khí oxy phụ trợ tích hợp trong máy	01	Bộ		
1.5	Bộ thải khí mê thụ động	01	Bộ		
1.6	Khối đo khí mê	01	Bộ		
2	Phụ kiện kèm theo máy chính			01	Bộ
2.1	Bộ dây cấp khí nén	01	Bộ		
2.2	Bộ dây cấp Oxy	01	Bộ		
2.3	Bình bốc hơi	02	Cái		
2.4	Bộ dây gây mê, dùng nhiều lần	01	Bộ		
2.5	Mặt nạ thở, dùng nhiều lần cho người lớn	01	Cái		
2.6	Bóng bóp 2 lít	01	Cái		

2.7	Xe đẩy và hệ thống bánh xe với khóa trung tâm và các ngăn kéo để đ	01	Bộ		
3	Tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo trì (tài liệu kỹ thuật) tiếng Việt và tiếng Anh			01	Bộ

III. CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

1. Phần máy gây mê

- Máy gây mê sử dụng công nghệ bóng xếp hướng lên trên hoặc công nghệ piston.
- Máy gây mê sử dụng được cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh.
- Lưu lượng gây mê thấp tối thiểu ≥ 100 ml/phút.
- Có chương trình tự động tính được dòng khí oxy tối thiểu cần thiết để duy trì FiO_2 mong muốn, giúp giảm nguy cơ tụt nồng độ oxy trong gây mê dòng thấp.
- Chương trình đồ họa mô phỏng cho phép quan sát trực quan tối thiểu có: Dòng khí tươi, dòng oxy tổng dạng số và đồ thị, dòng oxy tối thiểu để đạt được nồng độ oxy mong muốn...
- Có khả năng đưa ra trên màn hình mức tiêu thụ khí mê: Chỉ thị dạng cột cho mức tiêu thụ khí mê (ml/h).
- Có khả năng lưu và xem lại được tổng lượng Oxy, khí nén, thuốc mê đã sử dụng trong lần sử dụng gần nhất.
- Hệ thống xe đẩy có thể di chuyển dễ dàng, có giá để monitor theo dõi bệnh nhân, có bàn để dụng cụ gây mê. Xe đẩy có khóa trung tâm, giúp khóa 4 bánh bằng một thao tác.
- Màn hình màu theo dõi: ≥ 15 inch theo dõi các chỉ số thở, chỉ số mê.
- Có thể lắp 02 bình bốc hơi. Các bình có thể tháo lắp dễ dàng, có cơ cấu khóa bình để dễ dàng lắp đúng các bình và đảm bảo rằng chỉ có 01 loại thuốc mê được sử dụng tại một thời điểm.
- Công nghệ trộn khí hiển thị điện tử.
- Van giới hạn áp lực có thể điều chỉnh trong dải áp lực: Từ ≤ 5 đến ≥ 70 cm H₂O
- Dung tích bình chứa vôi soda: ≥ 800 g.
- Bình chứa vôi soda: Loại tích hợp bẫy nước.
- Máy có cổng thải khí mê thừa.
- Có hệ thống cung cấp khí Oxy phụ trợ tích hợp trong máy với dòng có thể điều chỉnh.
- Chế độ hỗ trợ các thủ thuật phức tạp như phẫu thuật tim hở và huy động phế nang.
- Chức năng chọn nhanh các thông số cài đặt thường dùng của bác sĩ.
- Tích hợp khối đo khí mê, đo nồng độ khí mê (≥ 5 loại khí mê) và các loại khí như: CO₂; O₂; N₂O

2. Phần máy thở

- Cấp O₂ nhanh > 35 lít/phút.
- Kết thúc mỗi ca phẫu thuật có thể chuyển máy sang chế độ Standby.
- Có thể bù lưu lượng.
- Có pin dự phòng trong máy đảm bảo cho máy hoạt động ≥ 30 phút.
- Có khả năng bù trở kháng đường thở.
- Các mode thở tối thiểu có:
 - Kiểm soát bằng tay
 - Mode kiểm soát thể tích và bù thể tích
 - Mode kiểm soát áp lực, đảm bảo thể tích
 - Mode kiểm soát áp lực
 - Mode thở cưỡng bức ngắt quãng đồng bộ: Áp lực, Thể tích
 - Mode thở hỗ trợ áp lực với dự phòng ngưng thở
 - Mode thở áp lực dương liên tục và hỗ trợ áp lực
 - Mode thở kết hợp cưỡng bức ngắt quãng đồng bộ và kiểm soát áp lực, đảm bảo thể tích
 - Chế độ hỗ trợ trong phẫu thuật tim hở
 - Hỗ trợ gây mê vòng hở
- Các thông số thở:
 - Thể tích thông khí Vt: Từ ≤ 5 đến ≥ 1.500 ml
 - Dải thông khí phút: Từ $\leq 0,1$ tới ≥ 40 lít/phút
 - Định mức lưu lượng: ≥ 120 lít/phút + khí tươi
 - Dải áp lực hít vào: ≤ 5 tới ≥ 60 cmH₂O
 - Dải giới hạn áp lực: ≤ 12 tới ≥ 80 cmH₂O
 - Dải áp lực hỗ trợ: ≤ 3 tới ≥ 40 cmH₂O
 - Tần số thở: ≤ 3 tới ≥ 100 nhịp/phút
 - Tỷ lệ I/E: $\leq 1:8$ đến $\geq 2:1$
 - Thời gian hít vào: $\leq 0,2$ tới ≥ 5 giây
 - Trigger: Cửa sổ trigger: 0 tới $\geq 80\%$ hoặc tự động; Độ nhạy trigger: $\leq 0,3$ tới ≥ 10 lít/phút
 - Ngưỡng ngắt kỳ thở vào: ≤ 5 tới $\geq 75\%$
 - Ngưng kỳ thở vào: 0 tới $\geq 60\%$
 - PEEP: ≤ 4 tới ≥ 30 cmH₂O

- Các thông số theo dõi tối thiểu có:
 - Thông khí phút
 - Thể tích khí lưu thông
 - Theo dõi nồng độ % Oxy
 - Áp lực đỉnh
 - Áp lực trung bình
 - Áp lực PEEP
 - Theo dõi EtCO₂ và FiCO₂
- Các thông số có thể cài đặt báo động
 - Thể tích thông khí: Cao/thấp
 - Thông khí phút (VE): Cao/thấp
 - Báo động ngừng thở
 - Áp lực đường thở: Cao/thấp
 - Nồng độ % FiO₂ hít vào: Cao/thấp
- Dạng sóng CO₂: Dải đo từ 0 tới $\geq 12\%$
- Loại cảm biến: Cảm biến hồng ngoại
- Có thể thay đổi cảnh báo cao/thấp EtCO₂
- Cảm biến O₂ thuận từ
- Dạng sóng
 - Dải đo: Từ 0 tới 100%
 - Độ chính xác: $\pm \leq 2,5\%$
- N₂O
 - Dải đo: Từ 0 tới 100%
 - Độ chính xác: $\pm \leq 2\%$
- Halothane, Isoflurane, Enflurane
 - Dải đo: Từ 0 tới $\geq 5\%$
 - Độ chính xác: $\pm \leq 2\%$
- Sevoflorane
 - Dải đo: Từ 0 tới $\geq 8\%$
 - Độ chính xác: $\pm \leq 2\%$
- Desflurane
 - Dải đo: Từ 0 tới $\geq 20\%$
 - Độ chính xác: $\pm \leq 2\%$

- Hiển thị được dạng sóng của khí mê
- Hiển thị được thông số MAC
- Phát hiện được hỗn hợp khí
- Có thể điều chỉnh giới hạn cảnh báo cao - thấp EtAA và FiAA
- Theo dõi phế dung bệnh nhân
- Hiển thị được các vòng lặp:
 - Áp lực – Thể tích
 - Áp lực – Lưu lượng

IV. CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC

- Thời gian bảo hành toàn hệ thống ≥ 12 tháng.
- Trong thời gian bảo hành, bảo trì định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất, có bảng chi tiết thực hiện công tác bảo trì – bảo dưỡng.
- Cung cấp bảng liệt kê chi tiết danh mục phụ kiện của toàn hệ thống và danh mục vật tư tiêu hao cho thiết bị trong 1 lần hoạt động tiêu chuẩn.
- Có chào giá chi tiết công tác bảo trì sau thời gian bảo hành.
- Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật khi khách hàng có yêu cầu trong thời hạn ít nhất 10 năm. Báo giá chi tiết phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật và có cam kết không thay đổi giá trong thời hạn ít nhất là 5 năm sau bảo hành.
- Thời gian cung cấp hàng ≤ 3 tháng kể từ ngày hiệu lực hợp đồng.
- Cam kết cung cấp CO/CQ, tờ khai hải quan, đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo trì và hướng dẫn sửa chữa bản tiếng Việt và tiếng Anh khi giao hàng.
- Có kỹ sư của hãng sản xuất hoặc được đào tạo bởi hãng sản xuất tham gia lắp đặt, hướng dẫn đào tạo vận hành sử dụng.
- Khi thiết bị có sự cố, kỹ sư thuộc trung tâm bảo hành chính hãng hoặc thuộc chủ sở hữu thiết bị hợp pháp tại Việt Nam cam kết xử lý ghi nhận sự cố trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo.
- Địa điểm giao hàng và lắp đặt máy: Tại đơn vị sử dụng - Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM.